TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠNH PHÚ
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **321**/2019/DS – ST
Ngày: 04 - 11 - 2019
V/v:"Tranh chấp hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đào Hồng Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lâm Toàn Thắng

Ông Nguyễn Văn Chót

Thư ký phiên toà: Ông Lê Khánh Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Dũng – Kiểm sát viên

Ngày 04 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 189/2019/TLST - DS ngày 26 tháng 4 năm 2019 về việc "*Tranh chấp hợp đồng góp hụi* ". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2340/2019/QĐXXST- DS ngày 30 tháng 9 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số: 109/2019/QĐST – DS ngày 17 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị L, sinh năm: 1982; địa chỉ: số nhà 77/1 ấp An Hòa,xã N, huyện P, tỉnh Bến Tre. Có mặt

2. Bị đơn: ChịLê Thị D, sinh năm 1980 và anh Đào Minh Trí, sinh năm 1981; Cùng địa chỉ: số nhà 101/1 ấp An Hội B,xã AT, huyện P, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị L trình bày:

Vào năm 2014 chị D có tham gia 03 dây hụi do chị làm chủ gồm: Dây hụi 5.000.000 đồng, gồm 21 hụi viên tham gia; dây hụi 3.000.000 đồng và dây hụi 2.000.000 đồng gồm 20 hụi viên tham gia. Đến năm 2016 chị D hốt hụi, vì thời gian chơi hụi đã diễn ra đã lâu nên chị không nhớ cụ thể từng dây hụi chị D hốt bao nhiêu, ngày, tháng, năm chị D hốt hụi. Sau đó, chị và chị D có gặp nhau và cộng lại tất cả các dây hụi mà chịD đã hốt và thống nhất chị D còn nợ chị số tiền

154.000.00 0 đồng nhưng do ba dây hụi khác nhau nên được viết thành 03 biên nhận nợ chị D có ký tên để xác nhận và có hứa là 01 tháng sau sẽ trả lại cho chị nhưng chị D không trả. Chị đã nhiều lần đến nhà chị D để yêu cầu chị D trả nợ nhưng chị D có hứa hẹn nhưng không trả cho chị. Trong thời gian chịD tham gia chơi hụi với chị thì anh có biết vì lúc chị lên nhà chị D để gom hụi thì có gặp anh Trí, anh Trcũng không có ý kiến gì, đồng thời chị D chơi hụi là để sử dụng vào mục đích sinh hoạt chung cho gia đình và mua bán (Bán hoa và bán trái cây). Do đó, chị yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chịLê Thị D và anhĐào Minh Trcó nghĩa vụ liên đới trả cho chị số tiền 154.000.000 đồng, trả một lần, không yêu cầu tính lãi.

Đại diện VKSND huyện Thạnh Phú phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử,Thư ký: Hội đồng xét xử,Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70,71 BLTTDS. Bị đơn Lê Thị D và anh Đào Minh Tr chưa thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70,72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị: Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 235 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; Điều 479 Bộ luật dân sự 2005; Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị L. Buộc chịLê Thị D và anh Đào Minh Trphải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Lê Thị L số tiền 154.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ vào đơn khởi kiện của chị Lê Thị L thì vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp là " Hợp đồng góp hụi" bị đơn chị Lê Thị D và anh Đào Minh Tr có nơi cư trú tại ấp An Hội B,xã AT, huyện P, tỉnh Bến Tre nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bị đơn chị Lê Thị D và anhĐào Minh Tr đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 để tham gia phiên tòa, nhưng chị D và anh Tr vắng mặt không rõ lý do, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên Tòa án xét xử vắng mặt chịD và anh Tr theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Trong quá trình tố tụng chị L cho rằng vào năm 2014 chị D có tham gia 03 dây hụi do chị làm chủ hụi, đến năm 2016 chị D hốt hụi, sau khi hốt hụi chị D có đóng hụi cho chị L nhưng không đầy đủ, sau đó, hai bên tổng kết hụi và thống nhất chị D còn nợ chị L số tiền 154.000.00 đồng,chị D có ký vào 03 biên nhận với chị L để xác nhận số nợ trên và có hứa là 01 tháng sau sẽ trả cho chị L số tiền trên nhưng chị D không thực hiện việc trả nợ cho chị L nên phát sinh tranh chấp. Trong quá trình tố tụng bị đơn chịLê Thị D và anhĐào Minh Trđã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, anh Trkhông có văn bản nêu ý kiến về việc khởi kiện của chị L đối với chịD và anh Trí.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị L Hội đồng xét xử xét thấy: Chứng cứ chị L cung cấp cho Tòa là 03 biên nhận nợ gồm: Biên nhận nợ với số tiền 84.000.000 đồng ngày 11/7/2017 ; biên nhận nợ số tiền 25.000.000 đồng ngày 17/1/; biên nhận nợ số tiền 45.000.000 đồng ngày 13/6/2018. Tất cả các biên nhận này đều có chữ ký "Duyên" và "Lê Thị D". Như vậy, nguyên đơn chị Lê Thị L đã thực hiện việc giao nộp chứng cứ cho Tòa án để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình tố tụng ,Tòa án đã thông báo cho chị D và anh Tr biết nội dung mà chị L khởi kiện cùng các tài liệu chứng cứ mà chị L dã cung cấp là 03 biên nhận nợ có chữ ký và chữ viết của chị nhưng chị D và anh Trkhông có ý kiến phản bác đối với yêu cầu khởi kiện của chị L và các tài liệu, chứng cứ mà chị L cung cấp. Điều này chứng tỏ chịD, anh Trđã thừa nhận có nợ chị L số tiền trên. Do đó, chị L yêu cầu chị D và anh Tr có nghĩa vụ trả cho chị L số tiền 154.000.00 đồng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Đối với yêu cầu của chị Lê Thị L về việc buộc trách nhiệm liên đới giữa chịLê Thị D và anhĐào Minh Tr Hội đồng xét xử xét thấy: Chị D và anh Trđã ly hôn vào ngày 31/5/ 2019. Tuy nhiên, khi chị Lê Thị L thực hiện giao dịch dân sự với chịLê Thị D thì ch ịD và anh Tr vẫn còn là vợ chồng, nghĩa là, việc chịD tham gia chơi hụi, hốt hụi và ký nhận nợ hụi với chị L được thực hiện trong thời gian mối quan hệ hôn nhân giữa chịD và anh Tr còn tồn tại. Mặt khác, anh Tr đã biết việc chị L có yêu cầu anh Tr có nghĩa vụ liên đới cùng chị D trả cho chị L số tiền trên nhưng không có ý kiến phản đối hoặc giao nộp chứng cứ chứng minh đây là nợ riêng của chị D . Do đó, chị L yêu cầu anh Tr có nghĩa vụ liên đới cùng với chịLê Thị D trả cho chị L số tiền nợ hụi 154.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị L được chấp nhận nên chịLê Thị D và anh Đào Minh Tr có nghĩa vụ liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 235 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; Điều 479 Bộ luật dân sự 2005; Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị L. Buộc chịLê Thị D và anh Đào Minh Tr phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Lê Thị L số tiền 154.000.000 đ (Một trăm năm mươi bốn triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. ChịLê Thị D và anh Đào Minh Tr phải có nghĩa vụ liên đới chịu 7.700.000 đồng (Bảy triệu bảy trăm nghìn đồng).

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.850.000 đồng cho Lê Thị L theo biên lai thu số 0001754 ngày 26/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú.

Đương sự có mặt tại tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại Tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Các đươnsự;
- Lưu (Hs, Vp).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Đào Hồng Vân